

Số: 2621/QĐ-NHCS

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung mã số thống kê ban hành theo Quyết định 49/QĐ-NHCS ngày 06/01/2011 và Quy định chế độ báo cáo thống kê ban hành kèm theo Quyết định 1466/QĐ-NHCS ngày 17/6/2011 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg, ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 21/2010/TT-NHNN ngày 08/10/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định Báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-NHCS ngày 06/01/2001 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc ban hành mã số thống kê áp dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-NHCS ngày 17/6/2011 của Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc ban hành Quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban Kế hoạch Nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung bảng mã thống kê ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-NHCS ngày 06/01/2001 của Tổng giám đốc, cụ thể như sau:

1.1. Hủy bỏ các mã số thống kê sau: Mã số 14 "Hộ nghèo", mã số 15 "Hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn" và mã số 16 "Hộ gia đình khác, cá nhân" tại Bảng 1 (Mã loại hình tổ chức và cá nhân);

1.2. Bổ sung các mã số thống kê sau: Mã số 11 "Hộ kinh doanh, cá nhân" vào Bảng 1 (Mã loại hình tổ chức và cá nhân) và mã số 99 "Hiệu quả đầu tư khác" vào Bảng 15 (Mã Phân loại hiệu quả đầu tư).

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định 1466/QĐ-NHCS ngày 17/6/2011 như sau:

2.1. Bổ sung khoản 1 Điều 3 như sau:

"1.6. Nhóm báo cáo về số dư tài khoản kế toán"

2.2. Bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

"e) Kỳ báo cáo 05 ngày (06 kỳ/tháng), gồm các ngày báo cáo: 05, 10, 15, 20, 25 và ngày cuối tháng".

2.3. Bổ sung điểm 2.1 khoản 2 Điều 8 như sau:

"f) Báo cáo 05 ngày (06 kỳ/tháng): các đơn vị gửi báo cáo chậm nhất sau 01 ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày cuối cùng của kỳ báo cáo".

2.4. Bổ sung Phụ lục 1B như sau:

Mã chỉ tiêu báo cáo theo đặc thù riêng của NHCSXH theo Phụ lục 1 đính kèm Quyết định này.

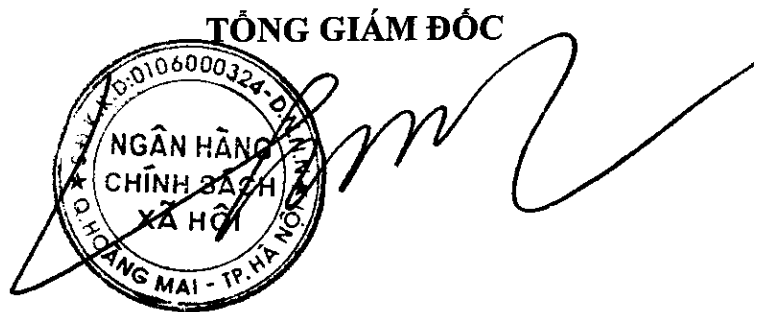
2.5. Hủy bỏ mã số 17 "Hộ cận nghèo" (Mã loại hình tổ chức và cá nhân) tại Phụ lục 3.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2011.

Điều 4. Giám đốc các Ban chuyên môn Hội sở chính, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin, Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Chữ ký*

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch HĐQT (để báo cáo);
- Tổng giám đốc;
- Các Phó Tổng giám đốc;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Kế toán trưởng;
- TT CNTT; (truyền Fastnet)
- Lưu: VT, KHN.



PHỤ LỤC 1

MÃ CHỈ TIÊU BÁO CÁO THEO ĐẶC THÙ RIÊNG CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2621/QĐ-NHCS ngày 26 / 10 /2011)

TT	Mã chỉ tiêu báo cáo	Tên chỉ tiêu báo cáo	Định kỳ báo cáo	Ghi chú
	1P	HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG THEO CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY, NGUỒN VỐN CHO VAY VÀ ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG		- Chương trình cho vay cc được quy định tại bảng 13 Quyết định số 49/QĐ-NHCS ngày 06/01/2011. - Nguồn vốn e được quy định tại bảng mã 20 Quyết định số 49/QĐ-NHCS ngày 06/01/2011.
1	1P011bcedd	Dư nợ tín dụng loại nợ b chương trình cho vay cc bằng nguồn vốn e đối tượng thụ hưởng dd	Tháng	- Đối tượng thụ hưởng dd được quy định tại bảng 14 Quyết định số 49/QĐ-NHCS ngày 06/01/2011.
2	1P024ccedd	Doanh số cho vay chương trình cho vay cc bằng nguồn vốn e đối tượng thụ hưởng dd	Tháng	
3	1P034ccedd	Doanh số thu nợ chương trình cho vay cc bằng nguồn vốn e đối tượng thụ hưởng dd	Tháng	
4	1P044ccedd	Doanh số xóa nợ chương trình cho vay cc bằng nguồn vốn e đối tượng thụ hưởng dd	Tháng	
5	1P204ccedd	Số khách hàng còn dư nợ chương trình cc bằng nguồn vốn e đối tượng thụ hưởng dd	Tháng	
6	1P214ccedd	Số khách hàng được vay vốn chương trình cc bằng nguồn vốn e đối tượng thụ hưởng dd	Tháng	
	4A	SỐ DƯ TÀI KHOẢN KẾ TOÁN	05 ngày/kỳ	- Tài khoản rrrr là số hiệu tài khoản cấp 3 trong hệ thống tài khoản NHCSXH
	4A018	Số dư tài khoản nhóm 1: Vốn khả dụng và các khoản đầu tư	05 ngày/kỳ	
1	4A018rrrr	Số dư tài khoản rrrr nhóm 1 trong hệ thống tài khoản NHCSXH	05 ngày/kỳ	
	4A028	Số dư tài khoản nhóm 2: Hoạt động tín dụng	05 ngày/kỳ	

✓

TT	Mã chi tiêu báo cáo	Tên chi tiêu báo cáo	Định kỳ báo cáo	Ghi chú
2	4A028rrrr	Số dư tài khoản rrrr nhóm 2 trong hệ thống tài khoản NHCSXH	05ngày/kỳ	
	4A038	Số dư tài khoản nhóm 3: Tài sản cố định và tài sản có khác	05ngày/kỳ	- Tài khoản rrrr là số hiệu tài khoản cấp 3 trong hệ thống tài khoản NHCSXH
3	4A038rrrr	Số dư tài khoản rrrr nhóm 3 trong hệ thống tài khoản NHCSXH		
	4A048	Số dư tài khoản nhóm 4: Các khoản phải trả	05ngày/kỳ	
4	4A048rrrr	Số dư tài khoản rrrr nhóm 4 trong hệ thống tài khoản NHCSXH	05ngày/kỳ	

u